TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 931/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mai Hương

2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 911/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1398/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quách Thị N, sinh năm:1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Số X Đường N , Khu phố C, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm: 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Số X Đường N , Khu phố C, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Quách Thị N thì:

Bà và ông Nguyễn Tấn D quen nhau năm 2012, tự nguyện tiến tới hôn nhân được Ủy ban nhân dân phường L, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng nhận kết hôn số 963/2012 quyển 01/2012 ngày 23/04/2012.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại địa chỉ số X Đường N , Khu phố C, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được một năm, sau đó Ông Đ ngày nào cũng nhậu khi say xỉn về nhà gây gổ với bà. Ông Đ làm công nhân, không đưa tiền cho bà để lo cho gia đình nuôi các con. Đến Tháng 8/2020 bà dọn ra ngoài sống cùng con nhỏ tên Nguyễn Tuấn L. Con gái lướn tên Nguyễn Hà N hiện đang sống chung với gia đình Ông Đ, Ông Đ không cho bà trực tiếp chăm con.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với Ông Đ.

Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Tuấn L (nam), sinh ngày 16/10/2019. Ông Đ nuôi dưỡng chăm sóc con chung Nguyễn Hà N1 (nữ), sinh ngày 31/07/2012. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn D trình bày:

Ông và bà N kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận T. Trong quá trình chung sống với nhau thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, bà N đã bỏ nhà đi khi đứa con đầu được 5 tháng tuổi, sau đó bà N quay về và cả hai sống chung lại với nhau. Trong quá trình sống chung lại thêm vài vụ cãi vã, và bà N lại bỏ nhà đi. Năm 2019 ông biết tin bà N có thai đứa thứ hai thì cùng về chung sống, đến cuối Tháng 5 ông bà lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ dẫn đến xô xát. Mỗi tháng Ông Đ có đưa 5.000.000đồng cho bà N để chăm các con. Cuối tháng 8/2020 bà N và con Nguyễn Tuấn Lâm đưa con Nguyễn Tuấn L dọn ra sống riêng cho đến nay. Với yêu cầu ly hôn của bà N thì ông không đồng ý, vì ông muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình có đầy đủ cha mẹ cho các con.

Về con chung: Nếu phải ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Hà N1 (nữ), sinh ngày 31/07/2012, bà N nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Tuấn L (nam), sinh ngày 16/10/2019. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa bà bà Quách Thị N trình bày: Bà và Ông Đ phát sinh mâu thuẫn từ sau khi kết hôn, Ông Đ thường xuyên say và đánh chửi bà, bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, bà đã nhiều lần không sống được nên đã dọn ra ở chỗ khác, vợ chồng nhiều lần sống ly thân và lần cuối là từ tháng 8/2020 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với Ông Đ, về con chung Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Tuấn Lâm (nam), sinh ngày 16/10/2019. Ông Đ nuôi dưỡng chăm sóc con chung Nguyễn Hà N1 (nữ), sinh ngày 31/07/2012. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Tấn D trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu của bà Quách Thị N, ông còn yêu thương vợ và muốn đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Quách Thị N, giao con chung Nguyễn Tuấn L (nam), sinh ngày 16/10/2019 cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hà N1 (nữ), sinh ngày 31/07/2012 cho Ông Đ nuôi dưỡng chăm sóc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ

chung không có nên không xem xét giải quyết. Án phí bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Quách Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn D cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà N phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà Quách Thị N và ông Nguyễn Tấn D kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2012 quyển 01/2012 ngày 23/04/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà N Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của bà N và Ông Đ thì từ sau khi kết hôn khoảng 01 năm thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bà N đã nhiều lần bỏ nhà mang con theo đi, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn la do Ông Đ thường xuyên nhậu nên dẫn đến gây gổ xúc phạm vợ. Vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông Đ, bà N đã tìm cách khắc phục nhưng vẫn không khắc phục được và đã sống ly thân nhiều lần và lần cuối là từ Tháng 8/2020 cho đến nay. Như vậy Ông Đ, bà N đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông Đ cho rằng ông muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, bà N cũng nhiều lần bỏ nhà ra đi, sau đó lại quay về đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được. Nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến tinh thần của hai bên và sự phát triển tâm sinh lý của các con còn nhỏ.

Hiện nay, bà N không còn tình cảm với Ông Đ, Ông Đ muốn đoàn tụ nhưng chưa khắc phục được các mâu thuẫn đã kéo dài từ lâu bà N không muốn đoàn tụ gia đình và có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ theo Giấy khai sinh số 341 ngày 04 tháng 8 năm 2012 và Giấy khai sinh số 529 ngày 24 tháng 10 năm 2019 cùng do Ủy ban nhân dân phường L cấp nên có cơ sở xác định là Nguyễn Tuấn L (nam), sinh ngày 16/10/2019 và Nguyễn Hà N1 (nữ), sinh ngày 31/07/2012 là con chung của bà N, Ông Đ. Ghi nhận sự thống nhất của bà N và Ông Đ giao con chung Nguyễn Tuấn L (nam), sinh ngày 16/10/2019 cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hà N1 (nữ), sinh ngày 31/07/2012 cho Ông Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các điều 51, 56, 57, 58, 59, 71, 72, 81, 82, 83, 84,107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật Phí, lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Quách Thị N:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Thị N, sinh năm 1986 ly hôn ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1982

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn L (nam), sinh ngày 16/10/2019 cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hà N1 (nữ), sinh ngày 31/07/2012 cho Ông Đ nuôi dưỡng chăm sóc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét trong vụ án.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng, bà Quách Thị N phải nộp nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0057730 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường Phú Đức, Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thị Thanh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 12 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay vào lúc 09 giờ 45 ngày 24 tháng 4 năm 2021

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

1. Bà Nguyễn Thị Quý

2. Bà Phan Thị Mai Hương

Đã nghị án xét xử vụ án thụ lý số 911/2020/HNST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, về việc: "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Bà Quách Thị N, sinh năm:1986.

Địa chỉ: Số 38/3 Quốc Lộ 1K, Khu phố 3, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 63/44/4 Đường 8, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thống nhất (biểu quyết thống nhất 3/3):

Bà Quách Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn D cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà N phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà Phan Thị Hoa và ông Nguyễn Tấn D kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 963/2012 quyển 01/2012 ngày 23/04/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà N Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của bà N và Ông Đ thì từ sau khi kết hôn khoảng 01 năm thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bà N đã nhiều lần bỏ nhà mang con theo đi, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn la do Ông Đ thường xuyên nhậu nên dẫn đến đánh chửi vợ. Vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông Đ, bà N đã tìm cách khắc phục nhưng vẫn không khắc phục được và đã sống ly thân nhiều lần và lần cuối là từ Tháng 8/2020 cho đến nay. Như vậy Ông Đ, bà N đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông Đ cho rằng ông muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, bà N cũng nhiều lần bỏ nhà ra đi, sau đó lại quay về đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được. Nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến tinh thần của hai bên và sự phát triển tâm sinh lý của các con còn nhỏ.

Hiện nay, bà N không còn tình cảm với Ông Đ, ông Đtạ muốn đoàn tụ nhưng chưa khắc phục được các mâu thuẫn đã kéo dài từ lâu bà N không muốn đoàn tụ gia đình và có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ theo Giấy khai sinh số quyển ngày .... tháng ....năm .....và Giấy khai sinh số .....Quyển ..... ngày .....tháng .... năm ..... cùng do Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân cấp nên có cơ sở xác định là Nguyễn Tuấn Lâm (nam), sinh ngày 16/10/2019 và Nguyễn Hà Như (nữ), sinh ngày 31/07/2012 là con chung của bà N, Ông Đ. Ghi nhận sự thống nhất của bà N và Ông Đ giao con chung Nguyễn Tuấn Lâm (nam), sinh ngày

16/10/2019 cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hà Như (nữ), sinh ngày 31/07/2012 cho Ông Đ nuôi dưỡng chăm sóc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Do đó Hội đồng xét xử thống nhất (biểu quyết thống nhất 3/3):

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các điều 51, 56, 57, 58, 59, 71, 72, 81, 82, 83, 84,107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật Phí, lệ phí năm 2016;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Quách Thị N:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Thị N, sinh năm1986 ly hôn ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1982

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn Lâm (nam), sinh ngày 16/10/2019 cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hà Như (nữ), sinh ngày 31/07/2012 cho Ông Đ nuôi dưỡng chăm sóc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét trong vụ án.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng, bà Quách Thị N phải nộp nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Hoa đã nộp theo biên lai thu số .....ngày ..... tháng .....năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 ngày 22 tháng 4 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Thị Quý	**Phan Thị Mai Hương**
	Trần Thị Thanh

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường Phú Đức, Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh